

Bản án số: 197/2018/DS – PT

Ngày: 10/7/2018

V/v “Tranh chấp di sản thừa kế”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Các thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Ông Nguyễn Kim Tư

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Sương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Ông Đoàn Văn Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 127/2018/TLPT- DS ngày 18 tháng 6 năm 2018 về việc “Tranh chấp di sản thừa kế”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2018/DS – ST ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 153/2018/QĐPT-DS ngày 03 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

Bà Đặng Thị V, sinh năm 1959;

Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1990;

Địa chỉ: ấp 6A, xã X, huyện H, tỉnh Bến Tre;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Trần Minh T, sinh năm 1945 (có mặt);

Địa chỉ: ấp 4, xã X1, thành phố B, tỉnh Bến Tre (theo văn bản uỷ quyền ngày);

* Bị đơn: ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1950;

Địa chỉ: ấp 4, xã X1, thành phố B, tỉnh Bến Tre;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1976 (có mặt);

Địa chỉ: ấp A, xã X2, huyện H1, tỉnh Đồng Nai (Theo văn bản uỷ quyền ngày 24/10/2016);

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà NLQ1, sinh năm 1948;

Địa chỉ: ấp 4, xã X1, thành phố B, tỉnh Bến Tre;

Người đại diện hợp pháp của bà NLQ1: bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1975 (có mặt);

Địa chỉ: ấp 4, xã X1, thành phố B, tỉnh Bến Tre (Theo văn bản uỷ quyền ngày);

2. Bà NLQ2, sinh năm 1957 (có mặt);

Địa chỉ: ấp 1, xã X3, huyện H2, tỉnh Bình Phước;

3. Bà NLQ3, sinh năm 1974 (có mặt);

Địa chỉ: phường P, Quận Q, thành phố Hồ Chí Minh;

4. Bà NLQ4, sinh năm 1955 (có mặt);

Địa chỉ: ấp 4, xã X1, thành phố B, tỉnh Bến Tre

5. Bà NLQ5, sinh năm 1951 (có mặt);

Địa chỉ: ấp 4, xã X1, thành phố B, tỉnh Bến Tre;

6. Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Quốc K1– phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường thành phố B (theo giấy uỷ quyền ngày 20/10/2016);

7. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam;

Địa chỉ: số 18, Trần Hữu Dực, phường Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội;

Đại diện theo pháp luật: ông Trịnh Ngọc K2 – Chủ tịch hội đồng thành viên.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Đặng Thị V;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đặng Thị V, bà Nguyễn Thị Ngọc H và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Trần Minh T trình bày:

Phần đất tranh chấp thuộc thửa 127, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại xã X1, thành phố B có diện tích 2.240,3 m² (đo đạc thực tế có diện tích 1.942,3m²) là của bà Trịnh Thị Ba. Sau khi bà Ba mất ông Trầm được hưởng thừa kế phần đất này theo di chúc lập ngày 16/12/2009. Tuy nhiên ông Nguyễn Văn K đã tự ý kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất này. Năm 2012 ông Trầm mất, bà Đặng Thị V là vợ của ông Trầm yêu cầu ông K trả lại đất nhưng ông K không đồng ý. Do đó, nay bà khởi kiện yêu cầu ông K trả lại phần đất có diện tích 1.942,3m² thửa 127, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại xã X1, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Bà V rút yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông K đối với thửa đất này.

Bà H rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Đối với yêu cầu độc lập của bà NLQ1, bà V không đồng ý.

Theo án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn K và người đại diện hợp pháp của bị đơn là bà Nguyễn Thị D trình bày:

Ông Nguyễn Văn K đồng ý trả lại phần đất có diện tích 1.942,3m², thuộc thửa 127, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại xã X1, thành phố B, tỉnh Bến Tre theo yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Theo án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà NLQ1 và người đại diện hợp pháp của bà NLQ1 là bà Nguyễn Thị C trình bày:

Trên phần đất diện tích 1.942,3m² thuộc thửa 127, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại xã X1, thành phố B bà đã trồng một số loại hoa màu. Nay ông K đồng ý trả lại phần đất trên cho bà V nên bà yêu cầu bà V trả lại giá trị hoa màu với số tiền 93.300.000 đồng theo kết quả định giá của Hội đồng định giá.

Theo án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà NLQ2, bà NLQ3, bà NLQ5, bà NLQ4 cùng trình bày:

Đối với tranh chấp giữa bà V với ông K các bà không có ý kiến gì và xin vắng mặt trong vụ án này.

Theo án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố B là ông Nguyễn Quốc K1 trình bày:

Ủy ban nhân dân thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K đối với thửa 127, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại xã X1, thành phố B đúng theo quy định của pháp luật, cụ thể hồ sơ đã được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố B thẩm tra hồ sơ đủ thành phần và đủ điều kiện theo quy định. Do đó Ủy ban nhân dân thành phố B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà V và bà H về việc huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông K đối với thửa đất trên.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đã đưa vụ án ra xét xử, tại Bản án số: 23/2018/DSST ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đã tuyên:

Căn cứ các Điều 624, 626, 630, 643, 357 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 26, 35, 147, 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự; nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị V về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn K trả lại phần đất có diện tích 1.942,3m² thuộc thửa 127, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại xã X1, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Ghi nhận việc ông Nguyễn Văn K đồng ý trả lại cho bà Đặng Thị V phần đất có diện tích 1.942,3m² thuộc thửa 127, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại xã X1, thành phố B, tỉnh Bến Tre và các tài sản gắn liền trên đất.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị V về việc huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Nguyễn Văn K đối với phần đất có diện tích 1.942,3m² thuộc thửa 127, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại xã X1, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc H về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn K trả lại phần đất có diện tích 1.942,3m² thuộc thửa 127, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại xã X1, thành phố B, tỉnh Bến Tre và yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Nguyễn Văn K đối với phần đất có diện tích 1.942,3m² thuộc thửa 127, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại xã X1, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

4. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà NLQ1 về việc yêu cầu bà Đặng Thị V hoàn trả giá trị hoa màu trên phần đất có diện tích 1.942,3m² thuộc thửa 127, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại xã X1, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Buộc bà Đặng Thị V có trách nhiệm hoàn trả giá trị hoa màu trên phần đất có diện tích 1.942,3m² thuộc thửa 127, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại xã X1, thành phố B, tỉnh Bến Tre cho bà NLQ1 với số tiền 93.300.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí thu thập chứng cứ, án phí và quyền kháng cáo bản án của các đương sự.

Ngày 20/4/2018 bà Đặng Thị V kháng cáo.

Theo đơn kháng cáo của bà Đặng Thị V và tại phiên tòa phúc thẩm ông Trần Minh T là người đại diện hợp pháp của bà Đặng Thị V trình bày: bà V kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm số 23/2018/DS-ST ngày 09/4/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre. Không đồng ý chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 28.088.000 đồng, đồng thời bà V không đồng ý trả cho bà NLQ1 giá trị hoa màu có trên đất tranh chấp với số tiền 93.300.000 đồng. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, không buộc bà V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có

giá ngạch với số tiền 28.088.000 đồng và đồng thời không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà NLQ1 về việc yêu cầu bà hoàn trả giá trị hoa màu trên đất với số tiền 93.300.000 đồng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn K là bà Nguyễn Thị D không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà V. Đề nghị giữ nguyên nội dung Bản án sơ thẩm số 23/2018/DS-ST ngày 09/4/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà NLQ1 là bà Nguyễn Thị C không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà V. Đề nghị giữ nguyên nội dung Bản án sơ thẩm số 23/2018/DS-ST ngày 09/4/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu cho rằng: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bà Đặng Thị V, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2018/DS-ST ngày 09/4/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre về phần án phí theo hướng buộc bà V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 4.965.000 đồng, ông K, bà NLQ1 chịu án phí không có giá ngạch với số tiền 300.000 đồng, các phần khác giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét kháng cáo của bà Đặng Thị V và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Phần đất tranh chấp qua đo đạc thực tế có diện tích 1.942,3m² thửa 127, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại xã X1, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Đất có nguồn gốc của bà Trịnh Thị Ba. Sau khi bà Ba mất, ông Trầm được hưởng thừa kế phần đất này theo di chúc lập ngày 16/12/2009, nhưng ông Trầm chết, cho nên bà V và con của bà được hưởng. Tuy nhiên, ông K đã tự ý kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đối với phần đất trên. Nay bà V khởi kiện yêu cầu ông K trả lại cho bà phần đất mà ông Trầm được hưởng. Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Văn K là bà Nguyễn Thị D đồng ý trả lại phần đất tranh chấp theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Bản án sơ thẩm đã ghi nhận.

[2] Xét kháng cáo của bà V không đồng ý chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 28.088.000 đồng. Thấy rằng, theo nội dung đơn khởi kiện ngày 22/8/2016, nguyên đơn bà Đặng Thị V, bà Nguyễn Thị Ngọc H yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn K giao trả phần đất có diện tích 1.942,3m² thửa 127, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại xã X1, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Đất có nguồn gốc do ông Nguyễn Ngọc Trầm hưởng di chúc của bà Trịnh Thị Ba lập ngày 16/12/2009. Quá trình giải quyết vụ án các đương sự không tranh chấp nội dung tờ di chúc ngày

16/12/2009. Phía ông K thừa nhận ông Trầm được hưởng phần đất tranh chấp theo di chúc nên đồng ý giao trả đất cho vợ con ông Trầm là bà V, bà H. Do đó, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là “Quyền đòi lại tài sản”, không phải “Tranh chấp di sản thừa kế” như Bản án sơ thẩm đã xác định. Vì vậy, căn cứ theo điểm a, khoản 2, Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bà V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án không có giá ngạch. Tòa sơ thẩm buộc bà V chịu án phí có giá ngạch với số tiền 23.423.000 đồng là không đúng quy định pháp luật. Kháng cáo của bà Đặng Thị V là có căn cứ nên cần được chấp nhận, sửa Bản án sơ thẩm về phần án phí theo hướng bà V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bà V, không đồng ý với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà NLQ1 về việc hoàn trả giá trị hoa màu có trên đất với số tiền 93.300.000 đồng. Thấy rằng, cả nguyên đơn, bị đơn và bà NLQ1 đều thừa nhận cây trồng có trên đất gồm 60 cây bưởi, 35 cây ổi, 32 cây dừa do bà NLQ1 trồng. Bà V thừa nhận số cây trồng trên đất là do bà NLQ1 trồng, khi bà NLQ1 trồng thì bà V cũng không có ý kiến phản đối. Nay ông K (chồng bà NLQ1) đồng ý trả phần đất tranh chấp cho bà V, do khi trả đất thì các cây trồng trên đất bà V được thụ hưởng nên Bản án sơ thẩm buộc bà V hoàn trả giá trị các cây trồng có trên đất cho bà NLQ1 với số tiền 93.300.000 đồng là có căn cứ. Kháng cáo của bà V về phần này là không có căn cứ chấp nhận.

Kháng cáo của bà V là có căn cứ nên cần chấp nhận một phần, sửa Bản án sơ thẩm số 23/2018/DS-ST ngày 09/4/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre về phần án phí dân sự sơ thẩm theo hướng:

Bà V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu độc lập của bà NLQ1 về bồi hoàn giá trị hoa màu được chấp nhận với số tiền là 93.300.000 đồng x 5% = 4.665.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu đòi lại đất của bà V được chấp nhận. Tuy nhiên, ông K thuộc diện người cao tuổi nên được miễn nộp án phí theo Điều 12 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các phần khác của Bản án sơ thẩm được giữ nguyên.

[5] Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bà Đặng Thị V không phải chịu án phí phúc thẩm theo Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 166, 357 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Đặng Thị V.

Sửa Bản án sơ thẩm số 23/2018/DS-ST ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị V về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn K trả lại phần đất có diện tích 1.942,3m² thuộc thửa 127, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại xã X1, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Ghi nhận việc ông Nguyễn Văn K đồng ý giao trả lại cho bà Đặng Thị V phần đất có diện tích 1.942,3m² thuộc thửa 127, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại xã X1, thành phố B, tỉnh Bến Tre và các tài sản gắn liền trên đất.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị V về việc huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Nguyễn Văn K đối với phần đất có diện tích 1.942,3m² thuộc thửa 127, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại xã X1, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc H về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn K trả lại phần đất có diện tích 1.942,3m² thuộc thửa 127, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại xã X1, thành phố B, tỉnh Bến Tre và yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Nguyễn Văn K đối với phần đất có diện tích 1.942,3m² thuộc thửa 127, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại xã X1, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

4. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà NLQ1 về việc yêu cầu bà Đặng Thị V hoàn trả giá trị hoa màu trên phần đất có diện tích 1.942,3m² thuộc thửa 127, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại xã X1, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Buộc bà Đặng Thị V có trách nhiệm hoàn trả giá trị hoa màu trên phần đất có diện tích 1.942,3m² thuộc thửa 127, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại xã X1, thành phố B, tỉnh Bến Tre cho bà NLQ1 với số tiền 93.300.000 đồng (Chín mươi ba triệu ba trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

5. Chi phí thu thập chứng cứ là 920.000 đồng bà Đặng Thị V phải chịu và đã nộp xong.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 4.665.000 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền 3.213.000 đồng theo các biên lai thu tạm ứng án phí

đã nộp số 0000086 không rõ ngày của tháng 9 năm 2016, số tiền 2.913.000 đồng và biên lai thu số 0011403 ngày 27/9/2017, số tiền 300.000 đồng của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre. Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre có trách nhiệm hoàn lại cho bà Đặng Thị V số tiền 1.452.000 đồng (Một triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn đồng)

Ông Nguyễn Văn K được miễn nộp án phí.

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre hoàn lại cho bà NLQ1 số tiền 3.900.000 đồng (ba triệu chín trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0010436 ngày 10/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

7. Án phí dân sự phúc thẩm: bà Đặng Thị V không phải chịu, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre có trách nhiệm hoàn lại cho bà V số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015600 ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre(1b);
- TAND thành phố Bến Tre(1b);
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre (1b);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp(3b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Hương